

Bản án số: 312/2024/DS-PT

Ngày: 14-8-2024

V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại trong
hoạt động tố tụng hình sự

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Chơn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc: “Tranh chấp bồi thường thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trần Văn K, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông K:

1.1. Ông Nguyễn Vũ P, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tầng A, số C, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

1.2. Bà Huỳnh Yến D, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tầng A, số C, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

(Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 30/5/2023).

2. Ông Trần Văn C, sinh năm 1963. Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C: Ông Nguyễn Hải D1 là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (có mặt).

- *Bị đơn:* Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Địa chỉ: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Hồ Tấn P1 – Chức vụ: Viện trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh M – Chức vụ: Kiểm sát viên. Theo giấy ủy quyền số 264/GUQ – VKS ngày 24/7/2024 (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Viện kiểm sát nhân dân huyện C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Vũ P là đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông K trình bày:

Ngày 26/9/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ban hành Quyết định số 68/QĐ về việc khởi tố bị can đối với hành vi “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, quá trình giải quyết vụ án đến ngày 01/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 01/QĐ – VKS đình chỉ vụ án vì không có sự việc phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự. Do ông K là lao động tạo ra nguồn thu nhập chính trong gia đình, quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng các biện pháp đối với ông K như: tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm giữ giấy phép lái xe... điều này gây ra oan sai và thiệt hại nghiêm trọng đối với ông K về vật chất, tinh thần và phát sinh thêm những chi phí khác bao gồm chi phí thuê luật sư, đi lại, in ấn, gửi tài liệu.

Ông K đã làm đơn yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân huyện C bồi thường thiệt hại do oan sai trong vụ án hình sự. Kết quả thương lượng việc bồi thường được lập ngày 19/4/2023 giữa ông K và Viện kiểm sát nhân dân huyện C cùng sự chứng kiến của các cơ quan đại diện thì có các khoản thương lượng thành gồm: Tổn thất tinh thần, chi phí đi lại, chi phí in ấn, gửi tài liệu, thuê luật sư. Đối với tiền thu nhập thực tế bị mất trong quá trình bị oan sai là 694.000.000 đồng thì thương lượng không thành.

Nay ông K yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân huyện C bồi thường các khoản như sau:

- Thiệt hại do thu nhập bị mất từ ngày 26/9/2016 đến ngày 01/7/2021 là 1.735 ngày x 12.000.000 đồng = 694.000.000 đồng.

- Thiệt hại về tinh thần: 301.500.000 đồng, trong đó:

+ Thiệt hại về tinh thần trong thời gian bị tạm giam từ ngày 09/11/2016 đến ngày 20/02/2017 là 101 ngày với số tiền là 41.318.182 đồng (101 ngày x 81.818đ x 05 lần).

+ Thiệt hại về tinh thần trong thời gian bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2017 đến ngày 01/7/2021 là 1.590 ngày với số tiền 260.181.818 đồng (1.590 ngày x 81.818đ x 02 lần).

- Chi phí thuê Luật sư: 20.000.000 đồng.
- C1 thuê phòng nghỉ: 51.336.986 đồng.
- Chi phí đi lại: 51.336.986 đồng.
- Chi phí in ấn tài liệu: 51.336.986 đồng.
- Chi phí gửi đơn thư: 8.556.164 đồng.
- Thu nhập bị mất của người thân để thăm gặp, gửi quà: 1.674.545 đồng.
- Chi phí đi lại của người thân để thăm gặp, gửi quà: 3.600.000 đồng.
- Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, ông K bị giữ giấy phép lái xe hạng C để phục vụ cho việc điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến giấy phép lái xe bị hết hạn trên 01 năm nên ông K yêu cầu bồi thường chi phí để được cấp lại giấy phép lái xe hạng C là 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 1.233.341.667 đồng.

Nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Ông là Chủ doanh nghiệp tư nhân T4 là chủ sở hữu 02 xe ô tô tải biển số 69C - 012.20; 69C – 004.12. Ngày 26/9/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ban hành Quyết định số 68/QĐ về việc khởi tố bị can Trần Văn K đối với hành vi “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, sau thời gian gần 05 năm cho quá trình điều tra, truy tố xét xử đến ngày 01/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 01/QĐ – VKS đình chỉ vụ án đối với Trần Văn K vì không có sự việc phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình phục vụ việc điều tra vụ án thì các cơ quan tiến hành tố tụng huyện C đã tạm giữ các xe tải do ông sở hữu nêu trên để phục vụ cho việc giải quyết vụ án bao gồm:

Xe tải mang biển số 69C - 012.20, tạm giữ 02 lần, lần 1 từ ngày 02/6/2016 đến ngày 20/6/2016; lần 2 từ ngày 01/8/2016 đến ngày 11/11/2016.

Xe tải mang biển số 69C – 004.12 từ ngày 02/6/2016 đến ngày 07/6/2016.

Việc các cơ quan tiến hành tố tụng huyện C tạm giữ các phương tiện vận chuyển trên là phương tiện phát sinh kinh tế của gia đình ông đã gây nhiều tổn thất và ảnh hưởng lớn đến nguồn thu nhập kinh tế mà gia đình ông phải chịu tổn thất khi có sự việc phạm tội theo kết luận của Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

Nay ông yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân huyện C có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông các khoản gồm:

Tiền mất thu nhập từ xe 69C – 012.20: 89 ngày x 2.000.000 đồng = 178.000.000 đồng.

Tiền mất thu nhập từ xe 69C – 004.12: 06 ngày x 2.000.000 đồng = 12.000.000 đồng.

Tiền thay 02 bình ắc quy xe 69C – 012.20: 3.600.000 đồng.

Tiền sửa chữa xe do xe bị hư hại khi tạm giữ: 35.000.000 đồng.

Tổng số tiền: 228.600.000 đồng.

Đại diện bị đơn Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày:

Đối với yêu cầu của ông K:

- Thiệt hại về tinh thần: Đại diện bị đơn thống nhất thời gian bị thiệt hại, về số tiền bồi thường thì yêu cầu áp dụng mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng (ngày lương cơ sở là $1.490.000đ/22 = 67.727$ đồng), số tiền thống nhất bồi thường:

+ Thiệt hại về tinh thần trong thời gian bị tạm giam từ ngày 09/11/2016 đến ngày 20/02/2017 là 101 ngày = 34.202.135 đồng.

+ Thiệt hại về tinh thần trong thời gian bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2017 đến ngày 01/7/2021 là 1.590 ngày = 215.371.860 đồng.

- Thống nhất bồi thường chi phí thuê Luật sư 20.000.000 đồng, chi phí gửi đơn thư: 6.407.000 đồng, chi phí nhà nghỉ, đi lại, in ấn: 41.720.000 đồng.

Tổng số tiền chấp nhận: 317.700.995 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu đối với các khoản gồm: Thiệt hại do thu nhập bị mất: 694.000.000 đồng; thu nhập bị mất của người thân để thăm gặp, gửi quà: 1.674.545 đồng, chi phí đi lại của người thân để thăm gặp, gửi quà: 3.600.000 đồng, chi phí cấp lại giấy phép lái xe hạng C là 50.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của ông C: Không thống nhất toàn bộ yêu cầu do hóa đơn chứng từ chứng minh chưa hợp lệ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K đối với số tiền 55.274.545 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng).

Ông Trần Văn K có quyền khởi kiện lại theo quy định.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K. Buộc Viện kiểm sát nhân dân huyện C có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Trần Văn K số tiền 885.541.830 đồng (T tám tám mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi một nghìn tám trăm ba mươi đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K đối với số tiền 292.408.170 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu bốn trăm lẻ tám nghìn một trăm bảy mươi đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C.

Buộc Viện kiểm sát nhân dân huyện C có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Trần Văn C số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C đối với số tiền 34.640.000 đồng (Ba mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Việc chi trả tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 62 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 bị đơn là Viện kiểm sát nhân dân huyện C có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn là Viện kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Viện kiểm sát nhân dân huyện C, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn là Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị đơn là Viện Kiểm sát nhân dân huyện C kháng cáo không đồng ý Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2024/DS-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân và yêu cầu xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm cụ thể: Không chấp nhận yêu cầu về việc bồi thường tiền mất thu nhập của ông Trần Văn K số tiền 694.000.000 đồng. Không chấp nhận áp dụng mức lương 1.800.000 đồng đối với phần yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của ông Trần Văn K mà áp dụng mức lương 1.490.000 đồng, chỉ chấp nhận tổng số tiền tổn thất tinh thần là 249.573.135 đồng. Không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông Trần Văn C số tiền 180.000.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn là Viện kiểm sát nhân dân huyện C là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ:

[2.1] Đối với kháng cáo không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông Trần Văn C số tiền 180.000.000 đồng với lý do: Ông C không chứng minh được mức độ thường xuyên trong việc luân chuyển hàng hóa, các chứng từ xuất và giao hàng, hợp đồng thuê xe là phục hồi lại không có xác nhận địa phương nên không có căn cứ.

Xét thấy: Tại thời điểm bị tạm giữ xe ông C là Chủ doanh nghiệp tư nhân T4, hoạt động kinh doanh mua bán thủy hải sản, có vận chuyển hàng hóa đến các cơ sở chế biến thủy sản trong và ngoài tỉnh. Việc ông C bị tạm giữ xe thực tế có

ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh đặt biệt là vận chuyển hàng hóa của ông, do đó việc ông C yêu cầu tiền mất thu nhập đối với 02 chiếc xe trong thời gian bị tạm giữ là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước. Về giá thuê, căn cứ vào lời khai của đương sự phù hợp với kết quả xác minh đối với những người cho ông C thuê xe nên án sơ thẩm chấp nhận mức giá thuê xe là 1.500.000 đồng/ngày là phù hợp.

Căn cứ vào biên bản tạm giữ xe và biên bản trả lại tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thể hiện đã tạm giữ của ông Trần Văn C 02 chiếc xe gồm:

01 xe ô tô tải biển kiểm soát 69C – 004.12 từ ngày 02/6/2016 đến ngày 07/6/2016; 01 xe tải mang biển số 69C - 012.20, tạm giữ 02 lần, lần 1 từ ngày 02/6/2016 đến ngày 20/6/2016; lần 2 từ ngày 01/8/2016 đến ngày 11/11/2016. Tổng số ngày bị tạm giữ là 125 ngày, tại phiên tòa ông C yêu cầu thời gian bị thiệt hại tính theo thời gian mà ông có hợp đồng thuê xe là 120 ngày nên số tiền bồi thường là: 120 ngày x 1.500.000 đồng/ngày = 180.000.000 đồng. Do đó án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ông C buộc bị đơn bồi thường số tiền 180.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Đối với kháng cáo của bị đơn về việc không chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập của ông Trần Văn K số tiền 694.000.000 đồng, không chấp nhận áp dụng mức lương 1.800.000 đồng đối với phần yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của ông Trần Văn K mà áp dụng mức lương 1.490.000 đồng, chỉ chấp nhận tổng số tiền tổn thất tinh thần là 249.573.135 đồng với lý do: Ông K không cung cấp hợp đồng thuê mướn hoặc bảng lương mà chỉ căn cứ vào xác nhận của ông C là chưa đủ căn cứ. Tại báo cáo tài chính doanh nghiệp thể hiện năm 2016 số tiền chi trả trực tiếp cho 03 người lao động trong 01 năm là 108 triệu đồng, trong khi đó ông C xác nhận chi trả cho K lương 01 tháng là 12 triệu vậy tổng 01 năm là 136 triệu là không phù hợp. Do đó xác nhận của ông C là ngày nào ông K cũng đi chờ hàng và mức lương theo xác nhận mà án sơ thẩm chấp nhận là không đủ cơ sở. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

- Đối với yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập của ông Trần Văn K:

Quá trình khởi tố bị can, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C và Viện kiểm sát nhân dân huyện C đều xác định nghề nghiệp của ông K là tài xế, thực tế tại thời điểm bị khởi tố ông K đang làm tài xế vận chuyển hàng hóa cho ông C, điều này cũng phù hợp với việc ông K có Giấy phép lái xe hạng C (điều khiển ô tô tải, máy kéo kéo rơmooc, có trọng tải từ 3.500kg trở lên và xe hạng B1, B2). Do vậy có cơ sở xác định nghề nghiệp chính của ông K là tài xế, mặc dù khi làm tài xế cho ông C không có bảng lương, không có hợp đồng lao động, tuy nhiên căn cứ vào xác nhận của ông C cũng như nội dung xác minh của ông Q, ông K1, ông T1, bà T2, bà T3 về mức thu nhập của tài xế tại địa phương thì có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông K với mức thu nhập là 9.000.000 đồng/tháng; không chấp nhận đối với số tiền 3.000.000 đồng do không phù hợp với chứng cứ đã thu thập nêu trên và không có chứng cứ chứng minh đây là công việc thường xuyên của ông K.

Như vậy thời gian bị thiệt hại của ông K được tính từ ngày khởi tố bị can

ngày 26/9/2016 đến ngày có quyết định đình chỉ vụ án ngày 01/7/2021 là 57 tháng 05 ngày, thu nhập bị thiệt hại là 57 tháng 05 ngày x 9.000.000 đồng/tháng = 514.500.000 đồng.

Hơn nữa tại phiên tòa ông C cũng khẳng định trả lương cho ông K là nhận lương theo tháng mà không tính số ngày nghỉ hoặc hoạt động trên tháng, cũng không trả lương theo công ngày. Mặt khác phía bị đơn kháng cáo nhưng không trình bày được cụ thể mức tiền mất thu nhập, mức chấp nhận bồi thường cụ thể bao nhiêu, mức thu nhập tối thiểu vùng là bao nhiêu mà yêu cầu bác toàn bộ là không có cơ sở.

- Đối với yêu cầu thiệt hại về tổn thất tinh thần của ông Trần Văn K:

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn thống nhất thời gian bị thiệt hại gồm thời gian bị tạm giam từ ngày 09/11/2016 đến ngày 20/02/2017 là 101 ngày; thời gian bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2017 đến ngày 01/7/2021 là 1.590 ngày. Hội đồng xét xử áp dụng mức lương cơ sở tại thời điểm xét xử là 1.800.000 đồng để làm căn cứ bồi thường (ngày lương cơ sở = $1.800.000đ/22 = 81.818$ đồng).

Bị đơn kháng cáo không chấp nhận áp dụng mức lương 1.800.000 đồng mà áp dụng mức lương 1.490.000 đồng, tổng số tiền tổn thất tinh thần là 249.573.135 đồng. Tuy nhiên căn cứ điểm b, c khoản 3 Điều 27 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước thì mức bồi thường thiệt hại về tinh thần là:

+ Thiệt hại về tinh thần trong thời gian bị tạm giam từ ngày 09/11/2016 đến ngày 20/02/2017 là 101 ngày x 81.818đ/ngày x 05 = 41.318.090 đồng.

+ Thiệt hại về tinh thần trong thời gian bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/02/2017 đến ngày 01/7/2021 là 1.590 ngày x 81.818đ/ngày x 02 = 260.181.240 đồng.

Như vậy, tổng cộng bị đơn phải bồi thường số tiền tổn thất tinh thần cho ông Trần Văn K là 301.499.330 đồng là đúng quy định nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn đối với khoản này.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Viện kiểm sát nhân dân huyện C là người kháng cáo cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét ở cấp sơ thẩm.

[4] Từ những phân tích trên, bản án sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Viện kiểm sát Nhân dân huyện C. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân là phù hợp.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không phù hợp với nhận định trên nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn, bị đơn không phải chịu theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 94/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K đối với số tiền 55.274.545 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng).

Ông Trần Văn K có quyền khởi kiện lại theo quy định.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K. Buộc Viện kiểm sát nhân dân huyện C có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Trần Văn K số tiền 885.541.830 đồng (Tám trăm tám mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi một nghìn tám trăm ba mươi đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K đối với số tiền 292.408.170 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu bốn trăm lẻ tám nghìn một trăm bảy mươi đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C.

Buộc Viện kiểm sát nhân dân huyện C có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Trần Văn C số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C đối với số tiền 34.640.000 đồng (Ba mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Việc chi trả tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 62 của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

4. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Nguyên đơn là ông Trần Văn K và ông Trần Văn C, bị đơn là Viện kiểm sát nhân dân huyện C không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Minh Hoàng